

Bản án số: 159/2022/DS-ST  
Ngày: 30/12/2022

*Về việc “Tranh chấp hợp đồng  
vay tài sản”.*

## **NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ HÒA THÀNH, TỈNH TÂY NINH**

*Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà **NGUYỄN THỊ KIM PHỤNG.**

- *Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông **LÊ HUỲNH HẢI ĐĂNG.**

2. Ông **TRẦN VĂN THẠCH.**

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **ĐINH THỊ HIÊN** – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Hòa Thành.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hòa Thành tham gia phiên tòa:*  
Ông **BÙI QUỐC VIỆT** - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Hòa Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 105/2022/TLST-DS ngày 01 tháng 6 năm 2022 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 166/2022/QĐXXST- DS ngày 22 tháng 11 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Trương Thị K**, sinh năm 1965 (có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt).

Địa chỉ: số 04, đường số 04, ấp 3, xã PVH, huyện BC, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Bị đơn:* Bà **Phạm Thị P**, sinh năm 1975 (vắng mặt).

Địa chỉ: số 19/1C, khu phố LC, phường LTT, thị xã Hoà Thành, tỉnh Tây Ninh.

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện ngày 26 tháng 05 năm 2022, lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Trương Thị K trình bày:*

Bà Trương Thị K và bà Phạm Kim P không có quan hệ họ hàng, biết nhau do bà P, ông Nguyễn Văn B (hiện đã chết) mua bán trái cây từ Tây Ninh xuống bán ở chợ đầu mối Đức Hoà và bà K có cho bà P, ông B vay tiền, vay nhiều lần và cũng trả nhiều lần, hiện tại còn nợ các khoản sau đây:

- Ngày 10/11/2020, bà K có cho bà P và ông B vay số tiền 20.000.000 đồng, vay không có thỏa thuận thời hạn trả nợ, vay không thế chấp tài sản, vay thỏa thuận lãi suất là 2% nhưng không có ghi trong giấy, sau khi nhận tiền, bà P điền thông tin vào giấy vay tiền do bà K chuẩn bị sẵn sau đó bà P và ông B ký tên chỗ người mượn tiền, bà K là người giữ giấy.

- Ngày 27/11/2020, bà K có cho bà P và ông B vay số tiền 30.000.000 đồng, thời hạn vay từ 27/11/2020 đến 27/5/2022, vay không thế chấp tài sản, vay thỏa thuận lãi suất là 2%, sau khi nhận tiền, bà K điền thông tin vào giấy vay tiền do bà K chuẩn bị sẵn sau đó bà P và ông B ký tên chỗ Bên B, bà K là người giữ giấy.

- Ngày 08/12/2020, bà K có cho bà P vay số tiền 5.000.000 đồng, vay không có thỏa thuận thời hạn trả nợ, vay không thế chấp tài sản, vay thỏa thuận lãi suất là 2% nhưng không có ghi trong giấy, sau khi nhận tiền, bà P điền thông tin vào giấy vay tiền do bà K chuẩn bị sẵn sau đó bà P ký tên chỗ người mượn tiền, bà K là người giữ giấy.

- Ngày 09/12/2020, bà K có cho bà P và ông B vay số tiền 50.000.000 đồng, thời hạn vay từ 09/12/2020 đến 09/5/2022, vay không thế chấp tài sản, vay thỏa thuận lãi suất là 2%, sau khi nhận tiền, bà K điền thông tin vào giấy vay tiền do bà K chuẩn bị sẵn sau đó bà P và ông B ký tên và lấn tay chỗ Bên B, bà K là người giữ giấy.

- Ngày 23/12/2020, bà K có cho bà P vay số tiền 5.000.000 đồng, vay không có thỏa thuận thời hạn trả nợ, vay không thế chấp tài sản, vay thỏa thuận lãi suất là 2% nhưng không có ghi trong giấy vay tiền, sau khi nhận tiền, bà P điền thông tin

vào giấy vay tiền do bà K chuẩn bị sẵn sau đó bà P ký tên chỗ người mượn tiền, bà K là người giữ giấy.

- Ngày 05/4/2021, bà K có cho bà P vay số tiền 270.000.000 đồng, vay không thỏa thuận thời hạn trả nợ, vay không thế chấp tài sản, vay thỏa thuận lãi suất là 2%, sau khi nhận tiền, bà K điền thông tin vào giấy vay tiền do bà K chuẩn bị sẵn sau đó bà P ký tên và lăn tay chỗ Bên B, bà K là người giữ giấy.

Tổng cộng, bà P và ông B cùng vay bà K số tiền 100.000.000 đồng, một mình bà P vay bà K số tiền 280.000.000 đồng.

Mục đích vay tiền theo bà P trình bày là để làm ăn, mua bán trái cây. Do hai bên đã làm ăn chung nhiều năm nên tin tưởng nhau, các khoản này bà K chưa nhận tiền lãi vì khoản nào trả tiền gốc thì trả luôn tiền lãi của khoản nợ đó và bỏ luôn giấy nợ. Các giấy nợ còn lại chưa trả tiền gốc và tiền lãi.

Từ khi bị dịch Covid thì bà P không trả nợ cho bà K nữa, bà K có lên Tây Ninh để đòi, bà P hứa trả nhưng không trả.

Đối với các khoản nợ ông B và bà P cùng ký tên thì bà K yêu cầu cả hai cùng có nghĩa vụ trả nợ cho bà. Đối với các khoản nợ do một mình bà P ký tên thì bà K yêu cầu một mình bà P có nghĩa vụ trả nợ.

Quá trình làm việc, bà K biết ông B đã chết và chết trước thời điểm bà K khởi kiện vụ án tại Toà án. Ngày 02/8/2022, bà K có đơn rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với ba khoản vay do bà P và ông B cùng ký tên, tổng cộng là 100.000.000 đồng, cụ thể:

- Khoản vay 20.000.000 đồng ngày 10/11/2020.
- Khoản vay 30.000.000 đồng ngày 27/11/2020
- Khoản vay 50.000.000 đồng ngày 09/12/2020

Bà K tiếp tục khởi kiện đối với ba khoản vay do một mình bà P ký tên, tổng cộng là 280.000.000 đồng.

Nay, bà K yêu cầu bà P có nghĩa vụ trả lại cho bà số tiền 280.000.000 đồng, yêu cầu tính lãi theo quy định của pháp luật cho đến khi Toà án giải quyết xong vụ án.

Ngoài ra, bà K không còn yêu cầu nào khác.

*Trong quá trình giải quyết vụ án, tại biên bản lấy lời khai ngày 02/8/2022, bị đơn bà Phạm Thị P trình bày:*

Bà P và ông B là vợ chồng, bắt đầu sống chung từ năm 2002 nhưng không có đăng ký kết hôn, tháng 04/2021 ông B chết do bị bệnh.

Bà P có quen biết với bà K do bà P có mượn tiền góp của bà K. Bà P thừa nhận chỉ còn nợ bà K số tiền gốc 59.450.000 đồng và 10.000.000 đồng tiền lãi nên đồng ý trả cho bà K số tiền 70.000.000 đồng. bà P đồng ý một mình trả số nợ trên cho bà K vì ông B đã chết.

Bà P được Toà án cho tiếp cận các chứng cứ do bà K cung cấp, bà P thừa nhận giấy nợ ngày 08/12/2020 và ngày 23/12/2020, mỗi giấy nợ 5.000.000 đồng do bà P tự viết và ký tên. Bà P cho rằng đã trả xong các khoản nợ này nhưng bà K không trả giấy nợ lại cho bà P. Đối với giấy nợ ngày 05/4/2021 số tiền 270.000.000 đồng, khi được Toà án cho tiếp cận, bà P không xác định được chữ ký tại tên Phạm Thị P và dấu lấn tay có phải là của bà P hay không, bà P xác định chưa bao giờ bà P mượn bà K số tiền lớn như vậy. Bà P xin được trình bày ý kiến về phần nợ này sau. Sau đó, Toà án tiếp tục mời bà P để làm việc nhưng bà P không đến làm việc theo giấy mời của Toà.

Ngoài ra, bà P không trình bày gì thêm.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hòa Thành trình bày:

### **Về thủ tục tố tụng:**

Hội đồng xét xử và các bên đương sự đã thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng đúng theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn bà Trương Thị K có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, bị đơn bà Phạm Thị P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bà K và bà P là đúng quy định pháp luật.

Ngày 02/8/2022, nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với các khoản vay ngày 10/11/2020, 27/11/2020 và 09/12/2020 có ông B ký tên với số tiền là 100.000.000 đồng, xét việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là tự nguyện nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

### **Về nội dung vụ án:**

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 463; 466; 468 và 469 của Bộ luật Dân sự: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị K đối với bà Phạm Kim

P, buộc bà Phạm Kim P có nghĩa vụ trả cho bà Trương Thị K số tiền gốc 280.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định của pháp luật. Bà P phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

### **Về thủ tục tố tụng:**

Nguyên đơn bà Trương Thị K có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt; bị đơn bà Phạm Thị P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bà K, bà P là phù hợp quy định tại Điều 227; Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Theo đơn khởi kiện bà K khởi kiện bà Phạm Thị P và ông Nguyễn Văn B nên Thông báo về việc thụ lý vụ án, Tòa án đã xác định bà P, ông B là bị đơn trong vụ án. Quá trình thu thập chứng cứ xác định ông B đã chết vào tháng 04/2021, trước thời điểm bà K khởi kiện vụ án. Ngày 02/8/2022, bà K đã rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với các khoản vay có ông B ký tên. Do bà K không còn khởi kiện ông B nên theo quy định tại Điều 68 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử không tiếp tục xác định ông B là bị đơn trong vụ án.

Ngày 02/8/2022, nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với các khoản vay ngày 10/11/2020 số tiền 20.000.000 đồng; ngày 27/11/2020 số tiền 30.000.000 đồng và ngày 09/12/2020 số tiền 50.000.000 đồng có ông B ký tên, xét việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là tự nguyện nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 217; khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự, đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

### **Về nội dung vụ án:**

[1]. Về quan hệ tranh chấp: Bà Trương Thị K khởi kiện bà Phạm Thị P yêu cầu bà P có nghĩa vụ trả cho bà K số tiền nợ vay tổng cộng là 280.000.000 đồng, bà P không đồng ý trả nên hai bên phát sinh tranh chấp, đây là tranh chấp hợp đồng vay tài sản được quy định tại Điều 463 Bộ luật Dân sự.

[2]. Quá trình làm việc, bà P thừa nhận có vay tiền góp của bà K, thừa nhận còn nợ bà K số tiền gốc 59.450.000 đồng và 10.000.000 đồng tiền lãi. Bà P không thừa nhận có nợ bà K số tiền 280.000.000 đồng.

[3]. Xét yêu cầu của bà K yêu cầu bà P trả số tiền 280.000.000 đồng, thấy rằng:

[3.1]. Đối với giấy mượn tiền ngày 08/12/2020 số tiền 5.000.000 đồng và giấy mượn tiền ngày 23/12/2020 số tiền 5.000.000 đồng, bà P thừa nhận từ viết và ký tên. Bà P cho rằng đã trả nợ cho bà K khoản nợ nay xong nhưng bà P không cung cấp chứng cứ chứng minh.

[3.2]. Đối với giấy cho mượn tiền ngày 05/4/2021 số tiền 270.000.000 đồng, bà P khi được Toà án cho tiếp cận không xác định được chữ ký tại tên Phạm Thị P có phải của mình hay không và xin được trình bày sau. Nhưng sau đó, Toà án mời làm việc bà P không đến Toà án làm việc. Theo kết luận giám định số 1190/KL – KTHS ngày 05/10/2022 của Phòng Kỹ thuật Hình sự Công an tỉnh Tây Ninh xác định chữ ký tại tên Phạm Thị P và tên Phạm Thị P là chữ viết và chữ ký của bà P.

[3.3]. Như vậy, mặt dù bà P không thừa nhận có nợ bà K số tiền 280.000.000 đồng nhưng dựa vào các chứng cứ do bà K cung cấp, có căn cứ khẳng định việc vay tiền giữa bà K và bà P là có thật và bà P có nợ bà K số tiền 280.000.000 đồng.

[4]. Xét yêu cầu tính lãi theo quy định của pháp luật cho đến khi toà án giải quyết xong vụ án thấy rằng:

[4.1]. Đối với khoản vay 270.000.000 đồng theo giấy cho mượn tiền ngày 05/4/2021, không xác định thời hạn trả nợ, có thoả thuận lãi suất 2% nên theo quy định tại Điều 469 của Bộ luật Dân sự thì đây là hợp đồng vay không có kỳ hạn và có lãi, tiền lãi được tính từ ngày vay là ngày 05/4/2021 đến ngày xét xử là ngày 30/12/2022 là 01 năm 08 tháng 25 ngày. Mức lãi 2%/tháng trong giấy nợ là vượt quá mức quy định theo khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự nên mức lãi suất được tính là 20%/năm. Số tiền lãi là: 270.000.000 đồng x 20%/năm x 01 năm 08 tháng 25 ngày = 93.750.000 đồng.

[4.2]. Đối với hai khoản vay 5.000.000 đồng ngày 08/12/2020 và 5.000.000 đồng ngày 23/12/2020. Các khoản vay này không xác định thời hạn trả, không thoả thuận lãi suất nên theo quy định tại Điều 469 của Bộ luật Dân sự thì đây là hợp đồng vay không có kỳ hạn và không có lãi, tiền lãi được tính từ ngày Toà án thụ lý đơn khởi kiện của bà K là ngày 31/5/2022 đến ngày toà án xét xử là ngày 30/12/2022 là 07 tháng, mức lãi suất được áp dụng theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự là 10%/năm. Tiền lãi được tính như sau: 10.000.000 đồng x 10%/năm x 07 tháng = 583.333 đồng.

[4.3]. Như vậy, tổng tiền lãi là: 93.750.000 đồng + 583.333 đồng = 94.333.333 đồng, được làm tròn là 94.333.000 đồng.

[5]. Do đó, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà K đối với bà P. Buộc bà P có nghĩa vụ trả cho bà K số tiền nợ vay là 280.000.000 đồng, tiền lãi là 94.333.000 đồng, tổng cộng là 374.333.000 đồng.

[6]. Chi phí tố tụng: Chi phí giám định là 2.820.000 đồng, bà P phải chịu chi phí này. Do bà K đã tạm ứng chi phí này cho Toà án. Nên bà P phải có nghĩa vụ trả lại cho bà K số tiền 2.820.000 đồng.

[7]. Về án phí: Bà P phải chịu 374.333.000 đồng x 5% = 18.716.650 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, được làm tròn là 18.717.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ các Điều 463; 466; 468 và 469 Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị K đối với bà Phạm Thị P.

Buộc bà Phạm Thị P có nghĩa vụ trả cho bà Trương Thị K số tiền nợ vay 280.000.000 đồng, nợ lãi 94.333.000 đồng, tổng cộng là 374.333.000 đồng (Ba trăm bảy mươi bốn triệu, ba trăm ba mươi ba ngàn đồng).

*Kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự.*

2. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị K đối với các khoản vay ngày 10/11/2020 số tiền 20.000.000 đồng; ngày 27/11/2020 số tiền 30.000.000 đồng và ngày 09/12/2020 số tiền 50.000.000 đồng có ông B ký tên.

Bà Trương Thị K được quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại theo quy định của pháp luật.

3. Chi phí tố tụng: Buộc bà P phải có nghĩa vụ trả lại cho bà K số tiền 2.820.000 đồng (Hai triệu, tám trăm hai mươi ngàn đồng).

4. Về án phí: Bà Phạm Thị P phải chịu 18.717.000 đồng (Mười tám triệu, bảy trăm mười bảy ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho bà Trương Thị K số tiền tạm ứng án phí 11.758.000 đồng (Mười một triệu, bảy trăm năm mươi tám ngàn đồng) theo biên lai thu số 0020777 ngày 31/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh.

*Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

Bà Trương Thị K và bà Phạm Thị P vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND thị xã Hòa Thành;
- Chi cục THA DS thị xã Hòa Thành;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu tập án.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Thị Kim Phụng**